

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHU
TRƯỜNG TH-THCS THANH MINH

CAM KẾT

Chất lượng giáo dục cấp Tiểu học của trường TH-THCS Thanh Minh
Năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Số học sinh chia theo phẩm chất	176	35	32	41	28	40
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	89=50,6%	16=47,5%	18=56,2%	22=53,7%	14=50%	19=47,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	87=49,4%	19=52,5%	14=44,8%	19=46,3%	14=50%	21=52,5%
3	cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
II	Số học sinh chia theo năng lực	176	35	32	41	28	40
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	83=47,2%	15=42,8%	12=37,5%	24=58,5%	14=50%	18=45%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	93=52,8%	20=57,2%	20=63,5%	17=41,5%	14=50%	22=55%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
II	Số học sinh chia theo học tập	176	35	32	41	28	40
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	24=13,6%	5=14,2%	5=15,6%	8=19,5%	4=14,35%	2=5%
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	44=25%	9=25,8%	7=21,9%	13=31,7%	7=25%	8=20%
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	108=61,4%	21=60%	20=62,5%	20=48,8%	17=60%	30=75%
4	Có ND chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	176	35	32	41	28	40
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	176=100%	35=100%	32=100%	41=100%	28=100%	40=100%
a	Học sinh hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	21=11,9%	3=8,6%	3=9,4%	7=17,1%	5=17,9%	3=7,5%
b	Học sinh có thành tích đột xuất trong năm học (tỷ lệ so với tổng số)	50=28,4%	10=28,6%	9=28,1%	10=24,4%	7=25%	14=35%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)						
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè trong năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh dự xét HTCT TH	40					40
V	Số học sinh được công nhận HTCHTH	40					40
1	HHT (tỷ lệ so với tổng số)	18=45%					18=45%
2	HT (tỷ lệ so với tổng số)	22=55%					22=55%
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	90/87	23/12	11/22	25/15	10/19	21/19
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	156	33	29	37	24	33

Thanh Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Hạnh

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TH-THCS THANH MINH

CAM KẾT
Chất lượng giáo dục cấp THCS của Trường TH-THCS Thanh Minh
Năm học 2024- 2025

STT	Nội dung	Tổng số				
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	207	54	57	47	49
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	128 = 60,3%	34 = 63%	37 = 64,9%	27 = 57,4 %	30 = 61,2 %
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	59 = 28,5%	16 = 29,6%	16 = 28,1 %	13 = 27,7 %	14 = 28,6 %
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	20 = 9,7%	4 = 7,4%	4 = 7,0%	7 = 14,9%	5 = 10,2%
	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%				
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	207	54	57	47	49
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	21 = 10,1%	5 = 9,3%	6 = 10,5%	5 = 10,6%	5 = 10,2 %
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	73 = 35,3%	11 = 20,4%	21 = 36,8%	19 = 40,4%	22 = 44,9%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	109 = 44,9%	37 = 68,4%	29 = 50,9 %	21 = 44,7%	22 = 44,9%
	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 = 1,9 %	1 = 1,9%	1 = 1,8%	2 = 4,3%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	207	54	57	47	49
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100.0%	53 = 98,1%	56 = 98,2%	45 = 95,7%	49 = 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0.0%	0%	0%	0%	0%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	21 = 10,1%	5 = 9,3%	6 = 10,5%	5 = 10,6%	5 = 10,2 %
c	Học sinh Có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập (tỷ lệ so với tổng số)	73 = 35,3%	11 = 20,4%	21 = 36,8%	19 = 40,4%	22 = 44,9%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 = 3,4 %	2 = 3,7%	2 = 3,5%	3 = 6,4%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	4 = 1,9 %	1 = 1,8%	1 = 1,8%	2 = 4,3%	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè trong năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		0
IV	Số học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9	0	0	0	0	0
1	Cấp thành phố					
2	Cấp tỉnh					
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS	49				49
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS	49				49
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5 = 10,2 %				5 = 10,2 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	22 = 44,9%				22 = 44,9%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	22 = 44,9%				22 = 44,9%
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	96/111	27/27	20/37	24/23	25/24
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	197	51	56	45	45

Thanh Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Chi Hạnh